BSC

Thứ hai, ngày 18 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Trở về ngưỡng 1000 điểm

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/11/2019		•	
Tuần 18/11-22/11/2019			•
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index có một phiên điều chỉnh mạnh hôm nay. Đà giảm bắt đầu từ giữa phiên sáng và kéo dài đến hết phiên chiều. Tác động giảm điểm chủ yếu đến từ nhóm Bluechips như VCB, VNM, VIC và FPT. Thanh khoản thị trường tiếp tục đi ngang và lực bán vẫn áp đảo thị trường. Tuy nhiên, VN-Index cũng đã gần chạm ngưỡng hỗ trợ tại mốc 1,000 điểm. Hiện tượng này sẽ giúp đà giảm bị hạn chế và chuyển sang xu hướng đi ngang. BSC ước tính thị trường sẽ tích lũy ngắn hạn và dao động quanh ngưỡng 1,000 điểm trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 950 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh. MBB điều chỉnh giảm sau khi không thành công vượt qua cản tại mốc 24. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu điều chỉnh bởi các chỉ báo động lượng. Vận động giảm ngắn hạn của MBB có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_ 0.4%. 11/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX. Đặc biệt, Danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - gồm những mã cổ phiếu trả cổ tức tiền đều qua từng năm và có tính ổn định cao, phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng 0.4%, con số này của VNINDEX là -0.7%.

Phân tích kỹ thuật: TNA_Hưng phấn (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

• VN-Index -7.12 điểm, đóng cửa 1,002.91. HNX-Index -0.88 điểm, đóng cửa 105.15.
• Kéo chỉ số tăng: GAS (+0.28); HPG (+0.20); SAB (+0.19); POW (+0.14); PPC (+0.12).
• Kéo chỉ số giảm: VCB (-2.29); VIC (-1.47); VNM (-1.13); BID (-0.70); TCB (-0.46).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,409 tỷ đồng, tăng 2.2% so với phiên hôm trước.
• Biên độ dao động là 6.11 điểm. Thị trường có 132 mã tăng, 60 mã tham chiếu và 197 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -105.86 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VNM (80.0 tỷ), VIC (75.0 tỷ) và VJC (25.4 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -0.43 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Đặng Hà My
mydh@bsc.com.vn
Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest
Lương Minh Hiển
hienlm@bsc.com.vn
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1002.91**
Giá trị: 3335.84 tỷ -7.12 (-0.7%)
Khối ngoại (ròng): -105.86 tỷ

HNX-INDEX **105.15**
Giá trị: 213.21 tỷ -0.88 (-0.83%)
Khối ngoại (ròng): -0.43 tỷ

UPCOM-INDEX **56.91**
Giá trị: 198.66 tỷ -0.09 (-0.16%)
Khối ngoại(ròng): 19.19 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	57.9	0.24%
Giá vàng	1,461	-0.53%
Tỷ giá USD/VND	23,205	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,645	0.37%
Tỷ giá JPY/VND	21,294	-0.17%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	1.48%
LS TPCP 5 năm	2.5%	-7.55%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	80.1	VNM	80.0
HDB	22.1	VIC	75.4
GAS	21.7	VJC	25.4
VHM	15.5	POW	13.2
HPG	7.9	VCB	12.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

BSC RESEARCH
11/18/2019
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Sử dụng i-Invest tại đây	Link	***Hướng dẫn sử dụng***	Link
Bản công bố rủi ro	Link	***Video giới thiệu danh mục Chủ đề***	Link

* **11/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, Danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - gồm những mã cổ phiếu trả cổ tức tiền đều qua từng năm và có tính ổn định cao, phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.4%**, con số này của VNINDEX là -0.7%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:
- **9/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Hình 1
HSX-Index Intraday

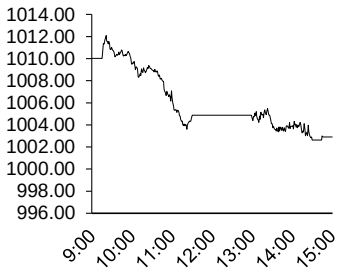

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday

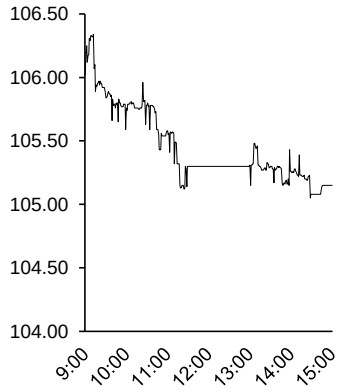

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_0.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	0.4%	0.7%	-4.6%	-5.1%	20.0%	52.5%
Vật liệu Xây dựng	0.3%	-0.6%	0.9%	1.2%	2.7%	10.4%	8.4%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.2%	-1.0%	-2.2%	-1.0%	-4.0%	0.4%	-3.0%
Dầu khí	0.1%	1.7%	3.6%	0.1%	-6.7%	6.9%	25.0%
Nước & Năng lượng	0.1%	0.8%	1.8%	0.0%	-3.0%	17.3%	55.8%
Xây dựng	0.0%	-2.6%	-6.2%	-5.8%	-10.3%	-6.6%	25.6%
Chiến tranh thương mại	-0.4%	-0.6%	-1.8%	-7.3%	-7.9%	-4.0%	10.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.5%	-2.7%	-1.0%	1.4%	5.0%	11.9%	72.6%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.5%	-0.9%	1.6%	-0.4%	3.9%	11.4%	62.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.6%	-2.0%	0.2%	1.6%	8.3%	21.1%	92.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.6%	-1.6%	1.1%	0.7%	-0.8%	12.1%	81.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.8%	-1.7%	1.4%	-4.8%	-9.2%	-9.8%	49.7%
Lãi suất giảm	-0.8%	-2.9%	-3.9%	-4.2%	-3.9%	1.9%	51.2%
FTSE Việt Nam	-0.8%	-2.4%	1.2%	1.5%	2.1%	15.9%	87.8%
Hàng tiêu dùng	-0.9%	-1.2%	-3.7%	-3.0%	0.7%	11.6%	59.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.0%	-3.0%	-1.6%	2.2%	10.4%	17.6%	79.5%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.1%	-2.7%	0.1%	7.9%	6.7%	9.4%	43.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.2%	-2.6%	-0.5%	4.2%	17.9%	36.3%	129.7%
Ngân hàng	-1.4%	-2.6%	0.3%	9.4%	13.9%	19.7%	89.5%
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 12	0.2%	-1.0%	1.6%	1.8%	7.6%	26.0%	90.6%
Danh mục 5	-0.2%	-0.4%	0.7%	-1.5%	0.4%	23.4%	72.1%
Danh mục 17	-0.3%	-1.1%	-0.7%	-3.8%	2.6%	37.9%	173.2%
Danh mục 2	-1.0%	-2.1%	0.3%	3.1%	5.5%	20.7%	114.8%
Danh mục 9	-1.2%	-2.8%	-0.7%	1.0%	5.1%	15.3%	61.7%
*** Note**	**9/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**						
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 23	0.4%	-0.6%	-0.2%	-3.3%	1.7%	39.7%	133.0%
Danh mục 24	-0.4%	-1.8%	-0.4%	-0.7%	11.7%	38.7%	100.5%
Danh mục 25	-0.7%	-2.3%	-1.7%	-3.3%	9.6%	44.7%	159.9%
Danh mục 20	-1.0%	-1.5%	0.1%	0.7%	10.2%	20.2%	59.3%
Danh mục 19	-1.1%	-2.3%	-1.4%	2.4%	11.3%	26.8%	62.0%
*** Note**	**3/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**						
INDEX							
VNINDEX	**-0.7%**	**-1.4%**	**1.4%**	**1.9%**	**2.1%**	**10.8%**	**48.8%**
VN30INDEX	**-0.7%**	**-2.0%**	**0.2%**	**3.0%**	**2.9%**	**5.4%**	**43.9%**

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	1.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.2%
Bán lẻ	1.0%
Ô tô và phụ tùng	1.0%
Bảo hiểm	0.7%
Công nghệ Thông tin	0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.2%
Bất động sản	0.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.1%
Tài nguyên Cơ bản	0.0%
Hóa chất	0.0%
Y tế	0.0%
Xây dựng và Vật liệu	-0.2%
Dầu khí	-0.3%
Du lịch và Giải trí	-0.4%
Ngân hàng	-0.6%
Truyền thông	-0.7%
Dịch vụ tài chính	-0.8%
Thực phẩm và đồ uống	-1.1%

Nguồn: FiinPro

***Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link: https://invest.bsc.com.vn/#/login**
***Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.**

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

TNA_Hưng phấn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD duy trì trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 duy trì trên EMA26.

Nhận định: TNA vẫn đang trong quá trình tăng giá từ đầu năm với xuất phát điểm là khu vực xung quanh mốc 10. Thanh khoản cổ phiếu trong phiên hôm nay tăng mạnh góp phần đẩy giá cổ phiếu lên hơn 5%, áp sát vùng đỉnh lịch sử tại ngưỡng 21. Các chỉ báo xu hướng đều ủng hộ cho trạng thái tích cực của TNA. Chỉ báo động lượng RSI đã đi vào vùng quá mua từ lâu nhưng khá khó để có sự điều chỉnh trong lúc mọi điều kiện đều đang diễn ra thuận lợi như hiện nay. Nhìn một cách tổng quan, cổ phiếu đã có mức tăng ấn tượng 100% trong năm nay. Nếu tiếp tục duy trì được đà hưng phấn thì TNA hoàn toàn có cơ hội thiết lập giá lịch sử mới trong tương lai gần.

Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá	Link	**BID_Tiến về vùng đỉnh cũ**	Link
KDH_Bứt phá	Link		
ANV_Hồi phục	Link		
TCB_Tín hiệu tích cực	Link		

BSC

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intradday vs HĐTL 1 tháng Intraday

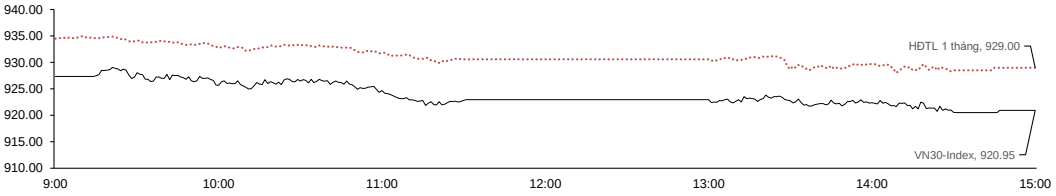

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	929.00	-0.51%	8.05	-19.0%	53604	11/21/2019	5
VN30F1912	931.50	-0.43%	10.55	70.0%	986	12/19/2019	33
VN30F2003	937.00	-0.30%	16.05	28.6%	18	3/19/2020	124
VN30F2006	938.90	-0.04%	17.95	18.5%	64	6/18/2020	215

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	22.90	1.10	0.57
HDB	28.70	1.23	0.33
SAB	253.00	0.40	0.10
ROS	25.20	1.20	0.09
CTD	70.70	2.61	0.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VNM	120.8	-1.79	-1.53
TCB	24.5	-1.81	-1.42
VIC	118.1	-1.25	-0.93
VCB	87.6	-2.34	-0.86
FPT	57.5	-1.88	-0.83

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm nhẹ −1.08 điểm xuống mức 927.36 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, HDB, VCB, MSN, và MBB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm tiêu cực từ đầu phiên trước khi phục hồi và tích lũy dưới 930 điểm. Sang phiên chiều, VN30 giảm nhẹ, vận động dưới mốc tham chiếu. Thanh khoản giảm cùng các chỉ báo động lượng cho thấy VN30 có thể vận động tích lũy quanh ngưỡng 930 điểm trong những phiên tới.

• HĐTL có sự phân hóa về giá trong phiên hôm nay. VN30F1911 và VN30F1912 đều tăng, trong khi VN30F2003 và VN30F2006 đều giảm. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và cả dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG1905	SSI	12/30/2019	42	1:1	161,210	83.1%	1.0 triệu	25.38%	3,300	1,200	7.14%	751.10	1.60
CHPG1907	SSI	4/22/2020	156	1:1	50,660	139.4%	1.0 triệu	25.38%	4,200	4,080	6.53%	2,885.80	1.41
CHPG1908	MBS	1/22/2020	65	2:1	255,850	38.8%	2.0 triệu	25.38%	1,450	1,680	3.07%	n/a	
CMWG1904	SSI	12/30/2019	42	1:1	39,890	237.5%	1.0 triệu	20.81%	14,000	30,300	2.50%	28,290.70	1.07
CVJC1902	SSI	4/22/2020	156	1:1	10,350	-85.2%	1.0 triệu	14.43%	27,900	28,900	0.94%	16,740.60	1.73
CREE1903	SSI	4/22/2020	156	1:1	16,210	25.7%	1.0 triệu	23.53%	7,600	6,520	0.31%	3,414.40	1.91
CVHM1902	SSI	4/22/2020	156	1:1	13,310	9.6%	1.0 triệu	23.61%	18,600	20,500	0.00%	14,210.40	1.44
CMWG1907	HSC	4/8/2020	142	10:1	207,570	-50.5%	5.0 triệu	20.81%	1,900	1,350	-1.46%	407.20	3.32
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	65	5:1	71,320	31.3%	1.5 triệu	n/a	2,220	2,250	-2.17%	-	
CMWG1903	HSC	12/30/2019	42	5:1	56,770	13.6%	2.0 triệu	20.81%	2,700	4,880	-2.40%	4,653.90	1.05
CDPM1901	KIS	1/9/2020	52	1:1	170,850	1477.6%	1.5 triệu	26.46%	1,900	1,550	-3.73%	583.10	2.66
CMBB1906	VND	1/9/2020	52	2:1	50,890	-6.0%	3.0 triệu	16.51%	2,100	1,790	-3.76%	1,372.10	1.30
CVIC1902	SSI	4/22/2020	156	1:1	13,380	-79.0%	1.0 triệu	17.29%	22,700	19,500	-4.88%	8,552.80	2.28
CNVL1901	KIS	2/7/2020	81	4:1	45,570	1165.8%	5.0 triệu	19.76%	1,900	1,530	-4.97%	241.70	6.33
CMBB1903	SSI	4/22/2020	156	1:1	50,410	-12.6%	3.0 triệu	16.51%	4,000	3,410	-5.54%	1,560.70	2.18
CFPT1906	HSC	4/8/2020	142	5:1	51,260	-80.9%	5.0 triệu	20.67%	1,700	1,650	-6.25%	762.70	2.16
CVNM1903	SSI	4/22/2020	156	1:1	21,860	-26.8%	1.0 triệu	18.18%	26,600	19,490	-7.19%	7,247.40	2.69
CFPT1905	SSI	4/22/2020	156	1:1	30,420	-53.8%	1.0 triệu	20.67%	9,900	8,460	-9.52%	5,211.40	1.62
CVNM1901	KIS	12/13/2020	391	10:1	111,700	-88.8%	5.0 triệu	17.68%	1,200	90	-10.00%	-	
CFPT1903	SSI	12/30/2019	42	1:1	41,970	74.8%	2.0 triệu	20.67%	6,000	12,460	-11.00%	12,711.20	0.98
CFPT1907	VND	1/9/2020	52	2:1	66,880	151.1%	2.0 triệu	20.67%	4,200	3,240	-16.92%	2,611.10	1.24
		Tổng:			**1,030,720**		**41.00 triệu**	**19.89%****					

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1905	93,300	23,100	22,900
CHPG1907	25,200	21,000	22,900
CHPG1908	23,400	20,500	22,900
CMWG1904	165,000	90,000	117,800
CVJC1902	157,900	130,000	143,500
CREE1903	43,600	36,000	37,350
CVHM1902	103,600	85,000	96,300
CMWG1907	144,000	125,000	117,800
CPNJ1902	90,100	79,000	84,400
CMWG1903	25,800	95,000	117,800
CDPM1901	15,888	13,988	13,950
CMBB1906	24,200	20,000	22,600
CVIC1902	137,700	115,000	118,100
CNVL1901	69,688	62,088	58,200
CMBB1903	26,000	22,000	22,600
CFPT1906	65,500	57,000	57,500
CVNM1903	146,600	120,000	120,800
CFPT1905	64,900	55,000	57,500
CVNM1901	46,340	156,285	120,800
CFPT1903	51,140	45,140	57,500
CFPT1907	61,400	53,000	57,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích:
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
*****Trung bình độ lệch chuẩn***
CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
****Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes***

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 18/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

• Về giá, CHPG1902 và CFPT1907 giảm mạnh nhất lần lượt là -28.57% và -16.92%. Thanh khoản thị trường giảm -52.96%. CHPG1908 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.86%thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, VHM, VJC và REE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. MBB điều chỉnh giảm sau khi không thành công vượt qua cản tại mốc 24. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu điều chỉnh bởi các chỉ báo động lượng. Vận động giảm ngắn hạn của MBB có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	117.8	-0.6%	0.7	2,267	1.8	8,321	14.2	4.6	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	84.4	-1.1%	0.9	817	1.6	4,839	17.4	4.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	73.0	-0.3%	1.3	2,225	0.4	1,889	38.6	3.3	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.0	0.0%	0.7	322	0.1	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	118.1	-1.3%	1.0	17,181	1.4	1,589	74.3	5.1	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	35.2	0.0%	1.1	3,564	9.2	1,033	34.1	2.9	32.1%	8.8%
NVL	Bất động sản	58.2	-0.5%	0.8	2,354	0.7	3,187	18.3	2.6	7.4%	15.5%
REE	Bất động sản	37.4	0.7%	1.0	503	1.2	5,614	6.7	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	15.5	-1.3%	1.4	356	1.2	3,215	4.8	0.9	46.1%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.0	-0.5%	1.4	464	1.0	1,769	11.9	1.1	56.5%	9.4%
VCI	Chứng khoán	34.0	1.2%	1.0	243	0.1	5,067	6.7	1.5	37.8%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.2	-3.2%	1.4	321	2.2	1,287	18.8	1.7	57.9%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.5	-1.9%	0.8	1,696	7.0	4,688	12.3	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.0	-2.2%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	108.5	0.5%	1.6	9,029	2.4	5,886	18.4	4.6	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.2	-1.2%	1.5	3,065	0.5	3,467	17.1	3.2	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.8	0.0%	1.7	391	0.8	2,062	9.1	0.7	22.2%	8.5%
BSR	Dầu khí	10.2	0.0%	0.8	1,375	0.7	1,163	8.8	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.0	-1.0%	0.5	540	0.0	4,535	20.9	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	14.0	-0.4%	0.7	237	0.1	650	21.5	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.0	-0.4%	0.6	161	0.0	625	11.2	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	87.6	-2.3%	1.3	14,126	2.7	5,274	16.6	4.0	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	41.3	-1.7%	1.5	7,222	1.7	2,109	19.6	2.5	3.5%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.4	-1.4%	1.6	3,464	5.5	1,641	13.0	1.1	30.0%	8.5%
VPB	Ngân hàng	21.2	-0.9%	1.2	2,218	0.7	3,341	6.3	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.6	-0.7%	1.1	2,285	3.8	3,261	6.9	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.1	-1.2%	1.1	1,736	2.9	3,585	6.7	1.5	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	52.3	-0.9%	0.8	186	0.1	5,073	10.3	1.7	80.1%	16.5%
NTP	Nhựa	31.9	-1.2%	0.3	136	0.0	4,603	6.9	1.2	20.7%	17.8%
MSR	Tài nguyên	15.1	0.0%	1.2	649	0.0	732	20.6	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.9	1.1%	1.0	2,749	3.8	2,526	9.1	1.4	37.7%	17.4%
HSG	Thép	7.9	1.9%	1.6	145	1.3	890	8.9	0.6	17.1%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	120.8	-1.8%	0.7	9,146	8.8	5,527	21.9	7.7	58.7%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	253.0	0.4%	0.8	7,054	0.1	7,365	34.4	9.1	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	74.4	-0.1%	1.2	3,781	0.7	4,512	16.5	2.6	40.0%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.8	0.0%	0.6	480	1.0	440	42.8	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	76.0	-1.2%	0.8	7,194	0.1	2,630	28.9	5.4	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.5	0.1%	1.1	3,268	3.2	9,850	14.6	5.5	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	34.7	-1.4%	1.7	2,140	0.4	1,747	19.9	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	25.0	-0.2%	0.8	322	0.2	1,949	12.8	1.2	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.7	0.3%	0.6	217	0.4	2,571	6.9	1.2	31.4%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	85.2	-0.7%	0.9	593	0.3	8,338	10.2	4.3	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.7	0.0%	0.8	365	0.1	1,398	13.4	1.3	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	1.0%	0.8	250	0.1	1,912	7.9	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	70.7	2.6%	0.7	235	0.4	9,842	7.2	0.7	48.1%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.4	0.0%	1.1	526	0.2	1,557	17.6	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.0	1.3%	0.5	259	0.2	1,845	13.0	1.1	51.5%	8.8%
POW	Điện	13.7	1.5%	0.6	1,390	1.4	820	16.6	1.3	14.0%	7.8%
NT2	Điện	23.2	-0.2%	0.6	290	0.4	2,721	8.5	1.6	19.3%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	108.50	0.46	0.28	505950.00
HPG	22.90	1.10	0.20	3.84MLN
SAB	253.00	0.40	0.19	11910.00
POW	13.65	1.49	0.14	2.41MLN
PPC	27.50	4.76	0.12	925010.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIG	5.60	9.80	0.04	738900.00
NET	32.90	5.79	0.02	3300.00
AMV	19.80	2.59	0.02	474100.00
DP3	72.40	4.93	0.02	8900.00
HTC	30.30	9.39	0.02	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	87.60	-2.34	-2.29	700550.00
VIC	118.10	-1.25	-1.48	267820.00
VNM	120.80	-1.79	-1.13	1.67MLN
BID	41.30	-1.67	-0.70	958470.00
TCB	24.45	-1.81	-0.46	1.33MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.10	-1.23	-0.49	2.76MLN
SHB	6.50	-1.52	-0.11	2.18MLN
MBG	47.00	-9.96	-0.10	169800.00
SHS	8.20	-3.53	-0.04	360400.00
NVB	9.00	-1.10	-0.04	1.42MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPK	2.14	7.00	0.00	740.00
HAI	2.30	6.98	0.01	3.33MLN
NAV	10.00	6.95	0.00	10.00
EMC	11.55	6.94	0.00	10.00
CCI	13.90	6.92	0.01	200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNT	49.20	9.8	0.01	100.00
TIG	5.60	9.8	0.04	738900.00
PDC	4.50	9.8	0.00	100.00
VTJ	6.80	9.7	0.01	1300.00
SGH	37.80	9.6	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVI	65.10	-7.00	-0.02	1700.00
COM	55.30	-6.90	-0.02	6350.00
FRT	34.45	-6.89	-0.06	110990.00
SSC	58.40	-6.86	-0.02	120.00
TTB	11.55	-6.85	-0.01	6710.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GMX	25.00	-10.71	-0.02	200.00
MBG	47.00	-9.96	-0.10	169800.00
HLY	44.60	-9.90	0.00	100.00
VE1	8.30	-9.78	0.00	100.00
TKC	6.60	-9.59	-0.01	500.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

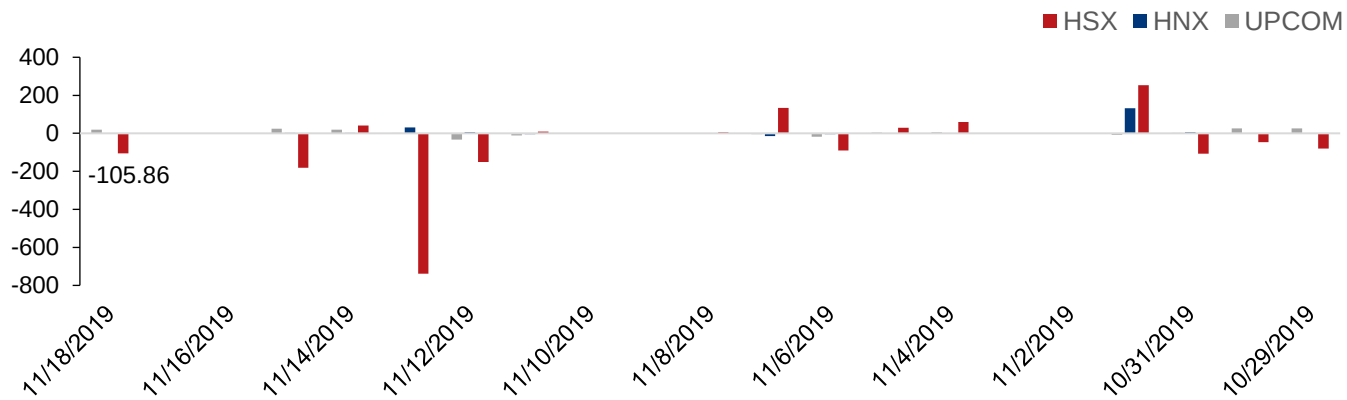

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	34.7	9,530	3.6	1.8	Click
2	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	57.5	4,688	12.3	2.9	Click
3	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	25.5	3,491	7.3	1.2	Click
4	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.3	2,246	8.6	0.9	Click
5	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.0	3,678	10.6	0.7	Click
6	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	74.4	4,512	16.5	2.6	Click
7	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	120.8	5,527	21.9	7.7	Click
8	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.2	2,887	7.7	1.5	Click
9	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.4	5,614	6.7	1.2	Click
10	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	79.0	14,958	5.3	1.5	Click
11	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.4	2,279	3.7	0.5	Click
12	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.1	3,585	6.7	1.5	Click
13	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.6	1,079	12.6	1.2	Click
14	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	87.6	5,274	16.6	4.0	Click
15	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.6	1,723	13.1	1.7	Click
16	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.6	3,261	6.9	1.3	Click
17	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	63.0	2,801	22.5	3.7	Click
18	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	25.0	1,949	12.8	1.2	Click
19	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.5	3,391	7.8	1.8	Click
20	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.5	4,688	12.3	2.9	Click

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị tường; tra cứu tin tức báo chí,...

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây	Link	***Hướng dẫn sử dụng***	Link
Bản công bố rủi ro	Link	***Video hướng dẫn sử dụng***	Link

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu **21873**; Giá tại Publish **19350** Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish **18700** Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị **MUA**; Giá mục tiêu **18200**; Giá tại Publish **16000** Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biên LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biên LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biên LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish **59300** KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức gia cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị **MUA**; Giá mục tiêu **28381**; Giá tại Publish **24450** Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biên LNG cải mức11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với KHTC mời liên lạc:	*Chức vụ*	*Địa chỉ email*
Vũ Thanh Phong	Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC	phongvt@bsc.com.vn
Trần Thành Hưng	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	hungtt@bsc.com.vn
Nguyễn Hoàng Dương	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	duongnh@bsc.com.vn
Nguyễn Hoàng Nguyên	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	nguyennh@bsc.com.vn